TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2018/HNGĐ -ST
Ngày: 19 – 7 – 2018
V/v không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lương Tiến Sĩ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

Ông Võ Sỹ Hùng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Bích Như – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 439/2018/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 6 năm 2018 về việc không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 451/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Chí Qu; Cư trú tại: ấp Hiệp V, xã An Tr, huyện A, tỉnh B. Có mặt.

Bị đơn: Chị Trần Kim H; Nơi cư trú tại số 267/22A, đường A, khóm B, phường C, thành phố D, tỉnh G. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Tấn A; Nơi cư trú tại: số 267/22A, đường A, khóm B, phường C, thành phố D, tỉnh G. Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân: anh Qu và chị H chung sống như vợ chồng từ năm 2015, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẩn không hàn gắn được, nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nữa nên anh xin được ly hôn với chị H.

Đối với chị H thì xác định vợ chồng không có nhiều mâu thuẩn nhưng do anh Qu có người phụ nữ khác nên mới xảy ra mâu thuẩn, nay chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh, chị xác định có 01 đứa tên: Trần Kim A, sinh ngày 30/7/2016 hiện chị H đang nuôi, khi ly hôn anh Qu đồng ý giao con cho chị H nuôi và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ.

Về tài sản chung: anh, chị xác định có 01 chiếc xe Air Blade; còn chị H xác định ngoài chiếc xe ra vợ chồng còn có 08 chỉ vàng 24k; 01 lượng vàng 18k và 250.000.000đ tiền thưởng. Khi ly hôn chị H yêu cầu số vàng chia đôi, còn chiếc xe AirBlade hiện anh Qu đang sử dụng, chị H trị giá chiếc xe 45.000.000đ và yêu cầu anh Qu hoàn lại chị ½ giá trị chiếc xe là 22.500.000đ. Riêng đối với khoản tiền thưởng thực tế chị H xác định công ty chỉ chuyển khoản cho anh Qu được 200.000.000đ nên chị yêu cầu anh Qu chia cho chị 100.000.000đ.

Đối với anh Qu anh xác định số vàng vợ chồng đã bán hết không còn, riêng số tiền thưởng thì chỉ có 190.000.000đ và số tiền này anh đã rút ra và vợ chồng đã chi xài hết. Còn chiếc xe AirBlade hiện nay anh đang sử dụng, hiện trị giá 35.000.000đ và anh đồng ý hoàn lại cho chị H ½ giá trị là 17.500.000đ.

Về nợ chung: anh, chị xác định không có .

Anh A trình bày: vào năm 2016 anh có bán chiếc xe AirBlade biển số 69B1-042.87 cho vợ chồng Nguyễn Chí Qu với giá 65.000.000đ, khi bán không làm giấy tờ, tiền do Qu giao. Anh xác định bán xe là bán cho vợ chồng Qu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng anh A xin được vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự theo luật định.

[2] Về hôn nhân: anh Qu và chị H sống chung như vợ chồng từ năm 2015, tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký theo luật định, nay xét hôn nhân vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: 01 đứa tên: Trần Kim A, sinh ngày 30/7/2016 hiện đang sống chung với chị H, khi ly hôn anh, chị thỏa thuận giao con cho chị H nuôi và anh Qu tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi tròn 18 tuổi, xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Qua xem xét Hội đồng xét xử thấy rằng :

- Về số vàng 08 chỉ vàng 24k được cho ngày cưới và 01 lượng vàng 18k. Tại phiên tòa anh Qu thừa nhận vợ chồng có 08 chỉ vàng 24k được cho ngày cưới, nhưng khi vợ chồng còn chung sống với nhau anh có kêu chị H bán để làm ăn và bị thua lổ hiện không còn, riêng 01 lượng vàng 18k là của anh mua trước khi cưới chị H và số vàng này anh đã bán chi xài trong gia đình. Vấn đề này Hội đồng xét nhận thấy việc anh Qu nêu ra là không có căn cứ, bỡi lẽ anh không có chứng cứ gì chứng minh cho việc anh dùng số tiền bán vàng để làm ăn và trang trải cuộc sống gia đình, vì theo lời trình bày của anh Qu mức thu nhập cố định của anh tại Thế Giới Di Động mỗi tháng trung bình là 15.000.000đ, với số tiền này nếu có chi xài trong gia

đình thì cũng không thể nào thâm hụt để dẫn đến việc bán vàng được, đồng thời anh Qu cũng không có gì chứng minh cho số vàng 01 lượng vàng 18k là tài sản riêng của anh có trước thời kỳ hôn nhân với chị H, cho nên số vàng này được coi là tài sản chung của vợ chồng. Do đó việc chị H yêu cầu anh Qu chia lại cho chị ½ số vàng nêu trên là có cơ sở chấp nhận.

- Đối với chiếc xe AirBlade biển số 69B1-042.87, tại phiên tòa anh Qu xác định giá trị hiện nay còn 35.000.000đ và anh đồng ý chia cho chị H ½ giá trị là 17.500.000đ, còn chiếc xe thì anh nhận để sử dụng. Chị H thống nhất với ý kiến của anh Qu, xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nên chấp nhận.

- Về số tiền thưởng: Tại phiên tòa anh Qu và chị H thống nhất số tiền anh Qu được thưởng trong quá trình làm việc tại Thế giới Di Động là 190.000.000đ, xét thấy việc thống nhất này là sự thỏa thuận của các đương sự, phù hợp với pháp luật nên chấp nhận, do đó Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết phải thu thập chứng cứ về vấn đề này. Tuy nhiên, số tiền này anh Qu cho rằng anh đã rút ra chi xài cho gia đình hết, còn chị H xác định đây là khoản tiền anh Qu tự chi xài cá nhân khi anh chị ly thân chứ không có đưa cho chị một khoản tiền nào. Việc này Hội đồng xét xử thấy rằng số tiền thưởng 190.000.000đ mà anh Qu có được là có phần công sức đóng góp của chị H, vì chị hàng ngày phải làm công việc nội trợ, quán xuyến việc gia đình và chăm sóc con cái, từ việc làm này tạo thành niềm tin vững chắc cho anh Qu an tâm trong công tác nên anh mới được nhận khoản tiền thưởng này và đây cũng là thời gian anh, chị chung sống vợ chồng với nhau nên số tiền này được xem là tài sản chung của vợ chồng. Còn việc anh trình bày rút tiền ra đưa cho chị H chi xài nhưng anh không có chứng cứ gì chứng minh cho việc này và cũng không được chị H thừa nhận nên anh phải tự chịu trách nhiệm. Do đó để đảm bảo quyền và lợi ích của phụ nữ và con nên cần buộc anh Qu chia cho chị H ½ số tiền 190.000.000đ mà anh Qu được thưởng là phù hợp.

[4] Về nợ chung: anh, chị xác định không có.

[5] Về án phí đương sự phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên ;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 33, 53, 59, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 9 Nghị định 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa anh Nguyễn Chí Qu với chị Trần Kim H.

- Về con chung: Giao cháu Trần Kim A, sinh ngày: 30/7/2016 cho chị Trần Kim H nuôi. Anh Qu được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: anh Qu tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Trần Kim A mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu A tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung :

- Anh Nguyễn Chí Qu được nhận 01 xe AirBlade biển số 69B1 – 042.87; 04 chỉ vàng 24k; 05 chỉ vàng 18k và 95.000.000đ (hiện nay số tài sản này anh Qu đang quản lý sử dụng nên không đặt ra việc giao nhận).

- Chị Trần Kim H được nhận 04 chỉ vàng 24k; 05 chỉ vàng 18k và 112.500.000đ (trong đó 95.000.000đ chia tiền thưởng và 17.500.000đ tiền chia giá trị chiếc xe). Hiện nay vàng và tiền anh Qu đang quản lý nên anh có nghĩa vụ giao lại cho chị H khi bản án có hiệu lực.

Đối với tiền cấp dưỡng và khoản tiền anh Qu có nghĩa vụ giao lại cho chị Huệ như đã nêu trên. Kể từ ngày chị Trần Kim H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Chí Qu không thi hành các khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Về nợ chung: anh, chị xác định không có.

2. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm anh Qu phải chịu 300.000đ. Ngày 09 tháng 5 năm 2018 anh đã dự nộp 300.000đ tại lai số 0000778 được giữ y sung quỹ nhà nước.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch anh Qu và chị H mỗi người phải chịu 6.975.000đ khi bản án có hiệu lực. (tất cả chưa nộp).

Án phí dân sự đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: anh Qu phải chịu 300.000đ khi bản án có hiệu lực (chưa nộp).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điêù 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Tấn A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ,
- Lưu án văn (VPTANDTPCM);
- Lưu VT (TM:TANDTPCM).

Lương Tiến Sĩ